

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
 (Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Ninh Giang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026		SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	357,259,000,000	269,049,000,000	174,522,482,699	133,367,048,716	48.85	49.57
I	Các khoản thu 100%	1,540,000,000	700,000,000	1,103,643,776	919,356,430	71.67	131.34
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	290,000,000	290,000,000	254,273,600	254,273,600	87.68	87.68
	Thu phí , lệ phí	450,000,000	300,000,000	176,793,000	78,258,000	39.29	26.09
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			402,628,559	316,944,349		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	800,000,000	110,000,000	269,948,617	269,880,481	33.74	245.35
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	178,600,000,000	91,230,000,000	61,720,730,444	20,749,583,807	34.56	22.74
1	Các khoản thu phân chia	800,000,000	800,000,000	627,449,012	627,449,012	78.43	78.43
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	250,000,000	250,000,000	24,732,192	24,732,192	9.89	9.89
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						

	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			3,000,000	3,000,000		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	550,000,000	550,000,000	599,716,820	599,716,820	109.04	109.04
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	177,800,000,000	90,430,000,000	61,093,281,432	20,122,134,795	34.36	22.25
	- Thuế thu nhập cá nhân	1,410,000,000	1,410,000,000	1,566,135,421	1,406,271,642	111.07	99.74
	- Thuế GTGT	2,390,000,000	2,390,000,000	4,092,903,511	4,092,903,511	171.25	171.25
	- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	300,000,000	130,000,000	323,616,192	137,536,889	107.87	105.80
	- Thu tiền sử dụng đất	167,000,000,000	85,000,000,000	52,239,336,000	13,882,585,688	31.28	16.33
	- Lệ phí trước bạ khác	5,200,000,000		2,258,757,117	-	43.44	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,500,000,000	1,500,000,000	602,837,065	602,837,065	40.19	40.19
	- Thuế tài nguyên			6,741,580	-		
	- Thuế tiêu thu đặc biệt			2,954,546	-		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			14,854,069,229	14,854,069,229		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	177,119,000,000	177,119,000,000	96,844,039,250	96,844,039,250	54.68	54.68
	- Thu bổ sung cân đối	174,119,000,000	174,119,000,000	87,065,000,000	87,065,000,000	50.00	50.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	3,000,000,000	3,000,000,000	9,779,039,250	9,779,039,250	325.97	325.97